

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành ở Việt Nam giai đoạn 1994 - 2013: Thực trạng và giải pháp

ThS. NGUYỄN THỊ ĐÔNG

Học viện Ngân hàng - Phân viện Phú Yên

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế là một quá trình khách quan làm thay đổi cấu trúc, tỷ trọng, tốc độ và chất lượng các mối quan hệ kinh tế giữa các ngành, các vùng, các thành phần kinh tế nhằm đạt tới một cơ cấu hợp lý hơn, tạo thế và lực mới cho tăng trưởng và phát triển kinh tế- xã hội. Tuy nhiên trên thực tế, sự vận động, biến đổi của cơ cấu kinh tế diễn ra rất đa dạng, có nhiều khi không theo đúng quy luật của nó, và kết quả có được từ chuyển dịch cơ cấu kinh tế cũng có thể tùy thuộc vào một số các yếu tố chủ quan hay khách quan khác. Việt Nam trong thời kỳ phát triển kinh tế thị trường đã thể hiện được sự chuyển dịch đúng hướng về cơ cấu kinh tế, nhưng liệu quá trình chuyển dịch đó có đảm bảo cho nền kinh tế đạt được mục tiêu tăng trưởng đã đề ra hay không? Bài viết này sẽ phân tích quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành ở Việt Nam dựa vào những biến động về mặt kinh tế- xã hội, từ đó đưa ra kiến nghị về hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong thời gian tới.

1. Khái niệm cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế được hiểu theo cả hai phương diện chất và lượng. Về chất, đó là các quan hệ gắn bó giữa các yếu tố kinh tế trong một chỉnh thể thống nhất và các yếu tố này vừa làm điều kiện cho nhau, vừa tác động thúc đẩy nhau đảm bảo cho nền kinh tế vận động cân đối, nhịp nhàng, đem lại hiệu quả cao. Về lượng, đó

là quan hệ tỷ lệ giữa các yếu tố cấu thành nền kinh tế, quan hệ này được xác định trong một thời điểm nhất định theo chỉ số kỹ thuật hoặc chỉ số giá trị, vậy nên nó luôn vận động, biến đổi theo từng giai đoạn phát triển của lịch sử nhân loại. Do đó, với một nền kinh tế tăng trưởng đòi hỏi tất yếu phải có chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế là sự thay đổi cơ cấu kinh tế từ trạng thái này



sang trạng thái khác cho phù hợp với phân công lao động xã hội, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, các điều kiện về kinh tế- xã hội trong những giai đoạn phát triển kinh tế nhất định, đó là quá trình làm thay đổi cơ cấu cũ, lạc hậu hoặc chưa phù hợp để xây dựng cơ cấu mới tiên tiến, hoàn thiện, bổ sung cơ cấu cũ thành cơ cấu mới phù hợp hơn.

Thực chất của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế là sự phát triển không đều giữa các ngành trong nền kinh tế. Ngành nào có tốc độ phát triển cao hơn tốc độ phát triển chung của nền kinh tế thì sẽ tăng tỷ trọng và ngược lại, ngành có tốc độ phát triển thấp hơn sẽ giảm tỷ trọng¹. Nếu gọi X là một ngành cấu thành nên cơ cấu kinh tế, thì mức độ chuyển dịch của X sẽ được tính toán theo công thức sau:

Tỷ trọng kỳ sau của ngành X = Tỷ trọng kỳ trước của ngành X + (Tốc độ phát triển của X / Tốc độ phát triển chung)

2. Môi quan hệ giữa chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế và tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế có mối quan hệ biện chứng với nhau, chúng thể hiện ở các khía cạnh sau:

Thứ nhất, chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế là thể hiện tính hiệu quả của quá trình tăng trưởng

Một trong những đặc điểm rõ nét nhất của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong quá trình tăng trưởng là việc tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp trong tổng sản phẩm quốc nội, trong khi tỷ trọng của nông nghiệp lại giảm sút. Có hai lý do để giải thích cho hiện tượng này là quy luật Engel và quy luật Fisher. Engel phát hiện ra rằng khi thu nhập của các gia đình tăng lên thì tỷ lệ chi tiêu của họ cho lương thực thực phẩm giảm đi, nên nhu cầu về sản lượng nông nghiệp sẽ không phát triển nhanh như nhu cầu về các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp, do đó phần tỷ lệ của nông nghiệp trong sản phẩm quốc dân sẽ giảm xuống². Còn Fisher nhận định việc ứng dụng khoa học kỹ thuật mới sẽ có liên quan đến chuyển dịch cơ cấu lao động giữa các ngành kinh tế. Trong đó lao động nông nghiệp dễ dàng thay thế bằng máy

móc thiết bị nên có xu hướng giảm dần trong cơ cấu ngành kinh tế. Lao động công nghiệp khó có khả năng thay thế hơn do tính chất phức tạp của việc sử dụng công nghệ kỹ thuật mới, đồng thời sản phẩm công nghiệp thường có độ co giãn của cầu tiêu dùng là lớn hơn 0 nên tỷ lệ lực lượng lao động công nghiệp có xu hướng tăng theo sự phát triển kinh tế. Cuối cùng, lao động dịch vụ được coi là khó có khả năng thay thế do đặc điểm kinh tế, kỹ thuật của việc tạo ra nó, đồng thời tốc độ tăng của cầu tiêu dùng sản phẩm dịch vụ lớn hơn tốc độ tăng của thu nhập sẽ khiến tỷ trọng lao động trong ngành dịch vụ tăng nhanh chóng³.

Ngoài ra, quy mô và xu hướng vận động của thị trường cũng là một trong những nhân tố rất có ý nghĩa đối với chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế. Nó thể hiện ở chỗ khi kinh tế phát triển, mức thu nhập gia tăng, người tiêu dùng có xu hướng giảm tiêu dùng hàng thiết yếu, mở rộng cầu tiêu dùng nhiều loại hàng hóa. Sự tăng lên của cầu tiêu dùng có tác dụng thúc đẩy mở rộng cơ cấu sản xuất mà trước đây chủ yếu là nông nghiệp, làm chuyển dịch cơ cấu không những trong nội bộ các ngành, mà còn trong các thành phần kinh tế và vùng lãnh thổ⁴.

Thứ hai, tính chất bền vững của quá trình tăng trưởng lại phụ thuộc vào khả năng chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Theo lý thuyết của A. Lewis (1954), sự chuyển dịch của lao động từ khu vực nông nghiệp với năng suất lao động thấp sang khu vực công nghiệp và dịch vụ với năng suất lao động cao hơn làm tăng năng suất lao động của toàn nền kinh tế, đồng nghĩa với việc đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn. Cơ cấu ngành hiện đại với tỷ trọng các ngành có hàm lượng khoa học công nghệ cao, hàm lượng chất xám cao, sử dụng nhiều lao động kỹ năng và có giá trị gia tăng cao giúp nền kinh tế đạt và duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trong dài hạn⁵. Mặt khác, như đã đề cập, chuyển dịch cơ cấu kinh tế là một quá trình, trong quá trình đó, cơ

¹ Nguyễn Trần Quế, 2004

² Malcolm Gillis, 1997

³ Phạm Ngọc Linh & Nguyễn Thị Kim Dung, 2011

⁴ Lê Du Phong, Nguyễn Thành Độ, 1999

⁵ Phạm Ngọc Linh & Nguyễn Thị Kim Dung, 2011



cấu cũ thay đổi dần dần để chuyển thành cơ cấu mới. Nếu cơ cấu kinh tế mới là hợp lý, linh hoạt sẽ tạo điều kiện tăng trưởng nhanh chóng. Sự linh hoạt của cơ cấu kinh tế được đánh giá thông qua hệ thống thông tin, khả năng tiếp nhận sự thay đổi, hoặc phản ứng với các tín hiệu kinh tế, vai trò của Chính phủ trong việc phân phối các nguồn lực. Quyết định chọn ngành đúng để đầu tư nguồn lực sẽ tạo động lực thúc đẩy nền kinh tế phát triển mạnh hơn và ngược lại, sẽ làm giảm tốc độ của nền kinh tế.

Ngày nay, các quốc gia đang chứng kiến nhịp độ cũng như quy mô toàn cầu hóa diễn ra với tốc độ chưa từng có, tương ứng với nó là khái niệm về “chuỗi giá trị toàn cầu” được nhắc đến nhiều hơn. Có thể hiểu chuỗi giá trị toàn cầu là sự liên minh hợp tác giữa các doanh nghiệp ở các quốc gia khác nhau trên thế giới để tạo ra những giá trị và giảm thiểu chi phí. Hiện tượng này được gọi là chia sẻ sản xuất quốc tế và hội nhập theo chiều dọc của sản xuất, có quan hệ chặt chẽ với tăng trưởng của mạng lưới sản xuất toàn cầu⁶. Trong bối cảnh như vậy, chỗ đứng của quốc gia trong chuỗi giá trị toàn cầu sẽ cho biết quốc gia đó tăng trưởng đến đâu. Nếu như cơ cấu kinh tế được chuyển dịch mạnh theo hướng sử dụng nhiều lao động có kỹ năng cao, sản xuất và cung ứng nhiều sản phẩm tinh chế dựa trên dây chuyền công nghệ hiện đại sẽ làm năng suất lao động gia tăng và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Với trường hợp ngược lại sẽ làm giảm năng suất của toàn nền kinh tế, từ đó dẫn đến giảm tăng trưởng kinh tế.

3. Thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành ở Việt Nam

Nghiên cứu này phân tích quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành dựa vào những biến động về mặt kinh tế- xã hội trong nước và trên thế giới. Mức độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành sẽ được đo lường bằng phương pháp hệ số Cos, đây là phương pháp đã được Linnemann (1966) đề cập đến khi thực hiện một nghiên cứu về thương mại quốc tế, sau đó nó lại được John Moore (1978) phát triển bằng cách sử dụng hệ số Cos để tính

góc chuyển dịch cơ cấu giữa các ngành thông

$$\cos \varphi = \frac{\sum_{i=1}^n \beta_i(t_0) \cdot \beta_i(t_1)}{\sqrt{\sum_{i=1}^n \beta_i^2(t_0) \cdot \sum_{i=1}^n \beta_i^2(t_1)}}$$

qua công thức:

Trong đó:

$\beta_i(t_0)$ là tỷ trọng giá trị sản lượng của ngành i trong GDP tại thời điểm t_0

$\beta_i(t_1)$ là tỷ trọng giá trị sản lượng của ngành i trong GDP tại thời điểm t_1

φ là góc hợp bởi hai vector cơ cấu $\beta_i(t_0)$ và $\beta_i(t_1)$. Khi $\cos \varphi = 1$ thì góc giữa hai vector này bằng 0° , điều đó có nghĩa là hai cơ cấu đồng nhất; còn khi $\cos \varphi = 0$ thì góc giữa hai vector này bằng 90° thể hiện các vector cơ cấu là trực giao với nhau. Như vậy, $\cos \varphi$ càng lớn bao nhiêu thì các cơ cấu càng gần nhau bấy nhiêu và ngược lại, nên giá trị của φ sẽ nằm trong đoạn $0^\circ \leq \varphi \leq 90^\circ$, với $\varphi = 0^\circ$ thì không có sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế; và $\varphi = 90^\circ$ thì cơ cấu kinh tế dịch chuyển hoàn toàn.

Từ đó suy ra tỷ lệ chuyển dịch k của cơ cấu kinh tế ngành sẽ là:

$$k = \varphi / 90 \times 100 \quad (2)$$

Công thức tính tỷ lệ chuyển dịch cơ cấu theo ngành này cũng được áp dụng để đánh giá chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ hoặc theo thành phần kinh tế, lúc đó tỷ trọng ngành i (β_i) sẽ được thay bằng tỷ trọng vùng i hay tỷ trọng thành phần kinh tế i.

Ứng dụng phương pháp hệ số Cos trình bày ở trên, sử dụng bộ số liệu của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) về tỷ trọng GDP nông nghiệp, GDP công nghiệp, GDP dịch vụ, tổng GDP Việt Nam qua các năm, tác giả đã tính toán góc chuyển dịch từ nông nghiệp sang công nghiệp, từ công nghiệp sang dịch vụ và góc chuyển dịch chung nông nghiệp- công nghiệp- dịch vụ trong khoảng thời gian 18 năm, được chia thành 5 giai đoạn. Công thức trên được triển khai cụ thể thành:

Vector cơ cấu ngành Nông nghiệp - Công nghiệp giai đoạn t_0 - t_1 :

$$\cos \varphi(nn - cn) =$$

$$\frac{GDP_{NN(t_0)} \cdot GDP_{NN(t_1)} + GDP_{CN(t_0)} \cdot GDP_{CN(t_1)}}{\sqrt{(GDP_{NN}^2(t_0) + GDP_{CN}^2(t_0)) \cdot (GDP_{NN}^2(t_1) + GDP_{CN}^2(t_1))}}$$

⁶ Nguyễn Thị Lan Hương, 2011



Vector cơ cấu ngành Nông nghiệp- Công nghiệp- Dịch vụ (gọi là vector chung) giai đoạn $t_0 - t_1$:

$$\cos \varphi(nn - cn - dv) = \frac{GDP_{NN(t_0)} \cdot GDP_{NN(t_1)} + GDP_{CN(t_0)} \cdot GDP_{CN(t_1)} + GDP_{DV(t_0)} \cdot GDP_{DV(t_1)}}{\sqrt{(GDP_{NN(t_0)}^2 + GDP_{CN(t_0)}^2 + GDP_{DV(t_0)}^2) \cdot (GDP_{NN(t_1)}^2 + GDP_{CN(t_1)}^2 + GDP_{DV(t_1)}^2)}}$$

Kết quả tính toán như Bảng 1.

Giai đoạn 1994- 1997 được coi là giai đoạn phát triển thành công của Việt Nam bởi cả về quyết định chuyển sang kinh tế thị trường và đạt được mục tiêu kiềm chế lạm phát, tạo nên sự tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế mạnh nhất cho đến nay, với góc chuyển dịch cơ cấu chung là $2,03^\circ$, đạt $3,37\%$. Mức chuyển dịch từ nông nghiệp sang công nghiệp cũng đạt cao nhất ở thời kỳ này ($4,74\%$).

Sự kiện khủng hoảng tài chính châu Á bùng nổ vào năm 1997 đã tác động đến nền kinh tế Việt Nam ở giai đoạn tiếp theo (1997- 2000), khiến tăng trưởng GDP đang ở mức $9,3\%$ năm 1996 đã bị kéo tuột xuống mức $5,8\%$ vào năm 1998

và năm 1999 là $4,8\%$. GDP sụt giảm là nguyên nhân khiến cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm chạp ở mức $2,68\%$ với góc chuyển dịch là $2,41^\circ$.

Sau khủng hoảng, đã có những chuyển biến

thực sự về tư duy kinh tế với

việc ra đời của Luật Doanh nghiệp năm 2000 và Hiệp định Thương mại song phương Việt- Mỹ được ký kết vào năm 2001, kinh tế Việt Nam giai đoạn 2000- 2004 đã tăng trưởng ổn định ở mức bình quân $7,1\%/năm$. Nhìn nhận đà tăng trưởng này, các nhà kinh tế dự đoán Việt Nam có thể trở thành “con hổ” kinh tế trong tương lai gần. Tuy nhiên, xét về nội lực của sự phát triển, Việt Nam đã chậm phát triển về chiều sâu bởi sự tăng trưởng trong giai đoạn này không đi kèm với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế. So với giai đoạn 1997- 2000, giai đoạn 2000- 2004 có mức chuyển dịch chung nhỏ hơn, chỉ đạt $1,96\%$, cộng với tình trạng lãng phí thất thoát vốn và tài sản công diễn ra nghiêm trọng, Việt Nam bắt đầu

đổi diện với nguy cơ về sự bất ổn vĩ mô được biểu hiện thông qua dấu hiệu lạm phát có xu hướng tăng dần: $9,5\%$ cho năm 2004 đến $12,63\%$ của năm 2007 và $19,89\%$ vào năm 2008 (Tổng cục Thống kê, 2013). Sự bất ổn này đã bộc lộ rõ hơn khi nền kinh tế tài chính Mỹ lâm vào khủng hoảng, ảnh hưởng xấu đến cả xuất khẩu và đầu tư của Việt Nam khiến tốc độ tăng GDP Việt Nam 2008 chỉ đạt xấp xỉ $6,23\%$, kéo theo đó là chuyển dịch cơ cấu công nghiệp sang dịch vụ giai đoạn 2004- 2008 chỉ còn ở mức $1,04\%$ và đạt $1,91\%$ tính cho toàn bộ quá trình chuyển dịch.

Kinh tế Việt Nam giai đoạn 2008- 2013 vẫn chưa thoát khỏi tình trạng lạm phát cao và tăng trưởng thấp. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2012 tụt xuống còn

Bảng 1. Tỷ lệ chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành theo hệ số $\cos\varphi$

| Giai đoạn | Mức độ chuyển dịch | Hệ số $\cos\varphi$ | Độ chuyển dịch φ (độ) | Tỷ lệ chuyển dịch cơ cấu kinh tế k (%) |
|-------------|--------------------|---------------------|-------------------------------|--|
| 1994 - 1997 | NN – CN | 0.992298 | 4.269308 | 4.743676 |
| | CN – DV | 0.997951 | 2.201038 | 2.445598 |
| | CHUNG | 0.996123 | 3.028276 | 3.364752 |
| 1997 - 2000 | NN – CN | 0.997558 | 2.403055 | 2.670061 |
| | CN – DV | 0.997303 | 2.525159 | 2.805732 |
| | CHUNG | 0.997536 | 2.413542 | 2.681713 |
| 2000 - 2004 | NN – CN | 0.997605 | 2.379966 | 2.644407 |
| | CN – DV | 0.999808 | 0.672929 | 0.747699 |
| | CHUNG | 0.998683 | 1.764267 | 1.960297 |
| 2004 - 2008 | NN – CN | 0.999095 | 1.462949 | 1.625499 |
| | CN – DV | 0.999625 | 0.941374 | 1.045971 |
| | CHUNG | 0.998749 | 1.719851 | 1.910946 |
| 2008 - 2013 | NN – CN | 0.998052 | 2.145936 | 2.384373 |
| | CN – DV | 0.999955 | 0.32687 | 0.363189 |
| | CHUNG | 0.998723 | 1.737417 | 1.930464 |
| 1994 - 2013 | NN – CN | 0.932941 | 12.66121 | 14.06802 |
| | CN – DV | 0.992789 | 4.130882 | 4.589868 |
| | CHUNG | 0.967353 | 8.808459 | 9.787177 |

Nguồn: Tính toán từ số liệu ADB



5,03%, thấp nhất trong vòng 10 năm qua và thấp hơn cả năm 2009 (5,32%) là năm Việt Nam chịu tác động nặng nề nhất từ cuộc khủng hoảng. Tuy nhiên, đến năm 2013, nền kinh tế đã có tín hiệu phục hồi khi tốc độ tăng GDP so với 2012 đạt 5,42%. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế phản ánh đúng thực trạng của quá trình tăng trưởng, số liệu tính toán cũng cho thấy giai đoạn này có độ chuyển dịch nhỏ nhất trong tất cả các kỳ nghiên cứu, với góc chuyển dịch là $1,74^{\circ}$, đạt 1,93% trong khoảng thời gian 6 năm.

Xét về tỷ trọng của các ngành trong tổng sản lượng nền kinh tế, lĩnh vực chiếm tỷ trọng lớn nhất từ năm 1994 đến nay vẫn là dịch vụ, thường trên 40%; tiếp theo là công nghiệp- xây dựng, cuối cùng là nông lâm- ngư nghiệp với 17- 29% GDP (Bảng 2)

Tỷ trọng từng ngành kinh tế trong GDP cho thấy xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, trong đó tỷ trọng GDP nông lâm- ngư nghiệp giảm dần, chứng tỏ nền sản xuất nội địa đang giảm dần sự lệ thuộc vào các điều kiện tự nhiên và gia tăng phụ thuộc vào các điều kiện nhân tạo. Trong số các điều kiện nhân tạo, các yếu tố thể chế gồm khuôn khổ chính sách, pháp luật về môi trường đầu tư, kinh doanh và chính sách tài khóa tiền tệ đóng vai trò nền tảng. Vì vậy, có thể lập luận rằng tốc độ cải thiện các yếu tố thể chế và chất lượng chính sách sẽ cung cấp gia tốc cho tăng trưởng trong giai đoạn chuyển dịch của nền kinh tế. Tuy nhiên, các yếu tố này lại không thể hiện được sự cải thiện vượt trội nào so với các quốc gia khác sau hơn 3 năm hậu khủng hoảng tài chính toàn cầu và suy giảm kinh tế thế giới.

4. Một số gợi ý về các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành ở Việt Nam

Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu là hai vấn đề trung tâm của một nền kinh tế. Xem xét mối quan hệ của chúng cũng chính là đi tìm phương án tối ưu để giải quyết vấn đề. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành ở Việt Nam thời kỳ 1994-2013 chỉ mới phát huy hiệu quả ở khu vực nông nghiệp- công nghiệp, với mức dịch chuyển đạt 14,1% trong khi hai khu

vực công nghiệp- dịch vụ chỉ dịch chuyển được 4,6%. Điều này chứng tỏ tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam thời gian qua chủ yếu vẫn dựa vào sự mở rộng của các ngành thâm dụng lao động để hút lao động dồi dào với giá rẻ ở khu vực nông nghiệp, chứ chưa phải là tăng trưởng đạt được do cải tiến về công nghệ hay trình độ tay nghề. Do đó, để quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thực sự đáp ứng được mục tiêu đạt mốc công nghiệp hóa vào năm 2020, Việt Nam cần quan tâm đến hai giải pháp cơ bản sau:

Một mặt, cần đáp ứng được nhu cầu nhân lực chất lượng cao phục vụ cho các ngành công nghiệp hiện đại

Trong bất cứ thời đại nào, xét về nguyên tắc của sự tăng trưởng, thì nhân tố con người bao giờ cũng được coi là có vai trò then chốt nhất, bởi năng lực kinh tế, tiềm năng khoa học, công nghệ của một quốc gia đa phần đều được sản sinh ra từ trí tuệ của người dân nước đó. Việt Nam là nước có lợi thế so sánh về nhân lực khi đang sở hữu cơ cấu dân số vàng với hơn 59,3% dân số trong độ tuổi lao động vào năm 2013 (ADB, 2014), thế nhưng Việt Nam không những chưa phát huy được sức mạnh của nguồn lao động dồi dào, mà chính sự dồi dào này còn làm cho nền kinh tế trở nên khó khăn hơn trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế bởi nông nghiệp vẫn giữ vai trò là ngành kinh tế quan trọng nhất và lao động ở ngành nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng việc làm lớn nhất với gần 47% (ADB, 2014). Hơn thế nữa, theo kết quả khảo sát “Thiếu hụt lao động kỹ năng ở Việt Nam” do Viện Khoa học lao động và xã hội (Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội) phối hợp với tập đoàn Manpower tiến hành tại 6.000 doanh nghiệp thuộc 9 lĩnh vực kinh tế tại 9 tỉnh, thành phố ở Việt Nam vào năm 2011, các doanh nghiệp đánh giá chất lượng lao động Việt Nam nằm trong nhóm 10% thấp nhất của khu

Bảng 2. Tỷ trọng các ngành trong GDP, 1994-2013 (%), theo giá cố định 2010)

| | 1994 | 2000 | 2005 | 2010 | 2013 |
|------------------------|------|------|------|------|------|
| Nông lâm - ngư nghiệp | 29,3 | 24,7 | 21,5 | 18,9 | 17,6 |
| Công nghiệp - xây dựng | 28,7 | 35,9 | 38,1 | 38,2 | 38,6 |
| Dịch vụ | 41,9 | 39,4 | 40,3 | 42,9 | 43,8 |

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2014



vực. Trong tổng số các doanh nghiệp tham gia khảo sát, có đến 1/4 doanh nghiệp cho rằng lao động Việt Nam thiếu hiểu biết về công nghệ và khả năng sáng tạo; 1/5 nhận xét lao động Việt Nam thiếu khả năng thích nghi với công nghệ mới; 1/3 doanh nghiệp không tìm được lao động có kỹ năng mà họ cần; và 2/5 giám đốc điều hành gặp khó khăn trong tuyển dụng lao động (Dũng Hiếu, 2012). Do đó, để đáp ứng được nhu cầu nhân lực chất lượng cao phục vụ cho các ngành công nghiệp hiện đại, Việt Nam nên tập trung vào việc đổi mới nhanh chóng hệ thống giáo dục theo hướng phát triển năng lực tư duy, năng lực sáng tạo; bồi dưỡng tác phong công nghiệp, tăng tính tổ chức, kỷ luật, tinh thần hợp tác, tính tự trọng, lòng tin, tính cộng đồng, lương tâm và trách nhiệm công dân. Cần phải xác định đây là việc làm rất khó khăn, không thể hoàn thành trong thời gian ngắn, song nhất thiết phải thực hiện và thực hiện một cách thường xuyên, liên tục, bền bỉ, kiên trì, sâu rộng ngay từ trong giáo dục mầm non, tiểu học đến cả trung học phổ thông, đại học sao cho những đức tính đó ngấm dần một cách tự nhiên và trở thành thói quen tự giác của mọi người. Không những thế, Việt Nam còn cần có chiến lược và tư duy đúng đắn về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa hướng tới toàn cầu hóa trên cơ sở xây dựng và điều chỉnh các chính sách hướng nghiệp, dạy nghề; chính sách dự báo nhu cầu lao động và cân đối lao động theo ngành nghề, cấp trình độ; chính sách thu hút các thành phần kinh tế tích cực tham gia vào lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước; chính sách chi ngân sách đào tạo nguồn nhân lực; chính sách bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho nhân dân lao động...

Mặt khác, cần cơ cấu lại các ngành, nghề, sản phẩm theo hướng ưu tiên phát triển các sản phẩm hỗ trợ, nhất là các sản phẩm xuất khẩu nhằm phát huy năng lực sẵn có của quốc gia

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế có ảnh hưởng quyết định đến quá trình tăng trưởng kinh tế. Vậy nên sự tăng trưởng trì trệ cũng có thể được giải thích bởi nguyên nhân từ phía cơ cấu kinh tế chuyển dịch chưa phù hợp với tiềm năng vốn

có của đất nước. Những năm gần đây, các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước đầu tư đa lĩnh vực ngoài chức năng chính, chủ yếu là tập trung vào các ngành dịch vụ như ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán với mức đầu tư trên 7.370 tỷ VND (Nguyễn Thanh Tuyền, 2011) đã góp phần tạo thêm sự mất cân đối về cơ cấu và tính kém hiệu quả xã hội trong cơ cấu đầu tư. Mặt khác, để đạt được mục tiêu cơ bản trở thành nước công nghiệp vào năm 2020, nhiều ngành công nghiệp như: sản xuất ô tô, sắt thép, đóng tàu... đã được đầu tư hay trợ cấp thông qua ưu đãi thuế, tuy nhiên chưa có một số liệu thống kê nào chứng tỏ rằng đây là những thế mạnh và hứa hẹn của Việt Nam trong tương lai, bởi việc phát triển những ngành công nghiệp này trong thời gian qua chưa thực sự dựa vào nội lực của đất nước mà còn do những yếu tố khác. Trong khi đó, sau hơn 20 năm đổi mới, nhờ khai thác thế mạnh của mình, Việt Nam đã là “nước lớn” về xuất khẩu nông sản và các mặt hàng gia dụng như hồ tiêu, gạo, cà phê, chè, cao su, thủy sản, dệt may, da giày và đồ gỗ. Hơn thế, đây chính là những ngành giúp giải quyết việc làm và nâng cao đời sống cho phần lớn người dân Việt Nam, thế nhưng các mặt hàng này mới chỉ dừng ở mức sơ chế hoặc gia công, việc đầu tư vào những khâu có giá trị gia tăng cao hơn dường như chưa được chú trọng đúng mức. Do đó cần phải cơ cấu lại các ngành, nghề, sản phẩm theo hướng ưu tiên lựa chọn phát triển các sản phẩm tiếp theo dựa trên những sản phẩm hiện có, nhất là các sản phẩm xuất khẩu nhằm phát huy năng lực sẵn có của quốc gia. Đồng thời, để việc cơ cấu lại ngành nghề, sản phẩm diễn ra thuận lợi, Chính phủ cần thay đổi cơ cấu đầu tư theo hướng ưu tiên phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp nông thôn, đặc biệt là công nghiệp sản xuất thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất và thu hoạch nông sản, công nghiệp bảo quản sau thu hoạch, công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm với trình độ công nghệ cao và sạch nhằm tăng sức cạnh tranh, thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động về địa bàn nông thôn để góp phần chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động.

5. Kết luận



Trong gần 20 năm phát triển kinh tế, Việt Nam đã có những chuyển đổi tiến hóa của tư duy mới về công nghiệp hóa, hiện đại hóa khiến cơ cấu kinh tế tuy chuyển dịch chậm nhưng đúng hướng. Nếu Việt Nam tạo ra được các điều kiện thuận lợi hơn và ứng dụng được các biện pháp cần thiết để đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế thì sẽ kích thích nền kinh tế tăng trưởng cao trong tương lai. Hai lĩnh vực chính sách có thể tác động để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng là chính sách đào tạo nguồn nhân lực và tái cơ cấu ngành kinh tế. Bằng phương pháp hệ số Cos, các tính toán đã phản ánh đúng thực trạng của nền kinh tế qua thời gian. Song, phương pháp này ít có tính dự báo cho tương lai, do vậy cần phải tiếp tục nghiên cứu mối quan hệ này theo nhiều cách tiếp cận khác. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Lan Hương (2012), Ảnh hưởng của chuyển dịch cơ cấu ngành của nền kinh tế tới tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam, Luận án Tiến sĩ, Hà Nội.
2. Phạm Ngọc Linh & Nguyễn Thị Kim Dung (2011), Giáo trình Kinh tế phát triển, NXB Đại học KTQD
3. Lê Du Phong, Nguyễn Thành Độ (1999), Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong điều kiện hội nhập với nền kinh tế thế giới, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

4. Nguyễn Trần Quế (2004), Chuyển dịch cơ cấu kinh tế Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XXI, NXB Khoa học Xã hội, HN.
5. Tổng cục Thống kê (2013), Niên giám thống kê 2013
6. Gillis, Malcolm (1997), Economics of Development, Norton, USA.
7. Lewis, W. A. (1954), "Economic Development with unlimited supplies of labour", the Manchester School, Vol. 22, No.2, pp.139-191.
8. Linnemann, H. (1966), "An Econometric Study of International Trade Flows", The American Economic Review, Vol. 57, No. 1, pp. 283-285.
9. Moore, J. H., (1978), "A measure of structural change in output", The Review of Income and Wealth, Volume 24, Issue 1, Page 105-118.
10. ADB (2012), Key indicators for Asia and the Pacific 2012, www.adb.org/statistics, truy cập ngày 14/03/2014.
11. Dũng Hiếu (2012), Năng suất lao động tại Việt Nam thuộc hàng đáy khu vực, www.vneconomy.vn, truy cập ngày 14/03/2013
12. Tổng cục Thống kê (2013), Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và đô la Mỹ tháng 12 so với cùng kỳ năm trước, <http://www.gso.gov.vn>, truy cập ngày 12/3/2014.
13. Nguyễn Thanh Tuyên (2011), Nhìn lại các giải pháp kiềm chế lạm phát và triển vọng kinh tế Việt Nam, http://www.vnba.org.vn/?option=com_content&view=article&id=1653&catid=43&Itemid=90, truy cập ngày 17/3/2014.

SUMMARY

Economic structure change in Vietnam in period 1994- 2013: Current situation and solutions

Changing the economic structure is an objective process alters structure, density, speed and quality of economic relations between sectors, regions and economic sectors to achieve a structure more reasonable for the social economic development of the country. This process, however, was very diverse, sometimes it was not in accordance with rules, and the results of economic structure changes may depend on subjective or objective factors. After over 20 years of economic reform, Vietnam has shown a shift in the right direction of economic structure, but whether the transition process which ensures the economy achieve growth targets set or not? This article will analyze the economic structure changes in Vietnam bas on fluctuations in economic and social, thence the article will make recommendations about the direction of economic structure changes in the future.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Nguyễn Thị Đông, Thạc sĩ

Đơn vị công tác: Học viện Ngân hàng- Phân viện Phú Yên

Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế lao động

Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải: Tạp chí Phát triển kinh tế, Tạp chí Phát triển & Hội nhập, Tạp chí Ngân hàng

Email: dong283vn@yahoo.com